

Thứ tư, ngày 26 tháng 8 năm 2020

Vietnam Daily Review

VNIndex giằng co quanh mốc tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/8/2020		•	
Tuần 24/8-28/8/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex giằng co khi có áp lực bán chốt lời cao ở đầu phiên và cuối phiên khiến cho chỉ số giảm nhẹ so với phiên ngày hôm qua, qua đó kết thúc chuỗi 03 phiên tăng điểm liên tiếp. Dòng tiền đầu tư suy yếu khi chỉ có 09/19 nhóm ngành tăng điểm, tuy nhiên nhóm ngành Viễn thông và Dầu khí có mức tăng điểm vượt trội. Trong khi đó, khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng mạnh trên sàn HSX, nhưng đã mua ròng nhẹ trở lại trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với phiên ngày hôm qua cùng với độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy tâm lý của nhà đầu tư phần nào thận trọng hơn sau những phiên tích cực vừa qua. Theo đánh giá của chúng tôi, với việc tâm lý nhà đầu tư đang khá lưỡng lự tại vùng 860-870 điểm và lượng thanh khoản có phần giảm sút là những dấu hiệu cho thấy VNIndex sẽ điều chỉnh nhẹ hoặc tích lũy ở vùng này trong một vài phiên tới.

Hợp đồng tương lai: HĐTL VN30F2010 và VN30F2012 giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số, trong khi VN30F2009 và VN30F2103 tăng điểm. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820-825 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/8/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_3.7%

Phân tích kỹ thuật: DRC_Xu hướng tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.65** điểm, đóng cửa **873.47**. HNX-Index **+0.52** điểm, đóng cửa **123.89**.
- Kéo chỉ số tăng: **PLX (+0.35); GVR (+0.17); VJC (+0.17); VRE (+0.16); PVD (+0.09)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.42); SAB (-0.41); HPG (-0.33); TCB (-0.2); BID (-0.17)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **5,624** tỷ đồng, **-6.03%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.19 điểm. Thị trường có **182** mã tăng, 66 mã tham chiếu và **209** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-360.41** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-165 tỷ), VNM (-93 tỷ) và VCB (-41.1 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **6.62** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **873.47**
Giá trị: 5624.42 tỷ **-0.65 (-0.07%)**
Khối ngoại (ròng): -360.41 tỷ

HNX-INDEX **123.89**
Giá trị: 467.76 tỷ **0.52 (0.42%)**
Khối ngoại (ròng): 6.62 tỷ

UPCOM-INDEX **58.52**
Giá trị: 0.45 tỷ **0.33 (0.57%)**
Khối ngoại (ròng): -23.1 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	43.4	0.12%
Giá vàng	1,922	-0.32%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,458	0.27%
Tỷ giá JPY/VND	21,820	0.21%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	46.00%
LS TPCP 5 năm	1.8%	0.29%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	17.2	HPG	-165.0
FUEVFVNI	13.2	VNM	-93.0
SAB	8.6	VCB	-41.1
PLX	7.1	VHM	-39.3
VRE	6.3	HDG	-16.8
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_3.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	12/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Dầu khí	3.7%	7.3%	20.5%	9.2%	9.2%	-16.5%	42.4%
Chiến tranh thương mại	1.7%	3.0%	18.8%	14.3%	14.3%	-1.2%	33.1%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.3%	2.5%	14.6%	13.3%	13.3%	0.3%	27.0%
Corona Avengers	1.1%	2.3%	14.7%	8.1%	8.1%	4.2%	38.9%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.1%	0.6%	16.5%	18.6%	18.6%	19.5%	33.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.9%	3.0%	13.9%	8.4%	8.4%	1.8%	32.7%
Lãi suất giảm	0.2%	3.1%	18.1%	13.8%	13.8%	10.3%	34.8%
Hàng tiêu dùng	0.2%	4.5%	14.4%	9.2%	9.2%	0.2%	31.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	5.1%	13.9%	10.3%	10.3%	12.7%	23.2%
Nước & Năng lượng	0.0%	2.9%	11.9%	12.7%	12.7%	1.4%	28.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.0%	2.0%	7.3%	5.2%	5.2%	-8.9%	27.3%
Ngân Hàng	-0.1%	2.2%	15.3%	12.1%	12.1%	2.4%	36.3%
FTSE Việt Nam	-0.2%	1.7%	6.3%	4.4%	4.4%	-6.8%	27.4%
Vật liệu Xây dựng	-0.2%	0.5%	13.8%	10.7%	10.7%	8.1%	30.7%
Stay-at-home	-0.4%	5.5%	17.8%	13.2%	13.2%	18.4%	37.0%
VN FinSelect	-0.4%	2.5%	10.5%	5.5%	5.5%	-5.9%	32.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.4%	3.4%	14.5%	10.3%	10.3%	-6.7%	32.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.4%	2.5%	10.7%	5.9%	5.9%	-5.8%	34.1%
Đầu tư công	-0.4%	1.6%	16.8%	13.4%	13.4%	7.0%	31.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.5%	1.2%	9.7%	8.3%	8.3%	-5.0%	30.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.5%	2.3%	11.2%	8.6%	8.6%	-3.5%	29.7%
VN Diamond	-0.6%	3.6%	12.8%	7.6%	7.6%	-11.4%	33.5%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.6%	0.8%	7.1%	14.4%	14.4%	4.8%	23.5%
Xây dựng	-0.6%	2.6%	17.0%	14.3%	14.3%	5.6%	32.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.7%	2.8%	13.4%	8.1%	8.1%	-13.2%	35.2%

Mục tiêu	0/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L11	-0.2%	2.3%	12.2%	8.2%	8.2%	-3.9%	26.9%
S32	-0.2%	3.8%	14.0%	7.6%	7.6%	-12.8%	36.6%
M31	-0.2%	2.6%	13.7%	9.7%	9.7%	-4.8%	33.4%
S21	-0.3%	2.1%	14.6%	10.4%	10.4%	-4.6%	30.3%
L32	-0.3%	2.4%	12.2%	7.4%	7.4%	-13.3%	33.6%
M12	-0.4%	2.8%	12.6%	7.6%	7.6%	-4.1%	27.9%
S11	-0.5%	1.8%	11.6%	9.5%	9.5%	8.7%	28.3%
L22	-0.5%	2.7%	14.3%	9.0%	9.0%	-7.5%	30.5%
M22	-0.5%	2.6%	11.7%	8.2%	8.2%	2.5%	28.3%

Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	-0.2%	3.4%	12.2%	7.5%	7.5%	-6.8%	31.1%
LOW1	-0.3%	1.8%	11.0%	5.3%	5.3%	-5.6%	28.2%
MID1	-0.4%	2.6%	13.2%	12.0%	12.0%	8.1%	28.1%

INDEX							
VNINDEX	-0.1%	2.2%	9.4%	5.9%	5.9%	-9.1%	26.8%
VN30INDEX	-0.3%	2.4%	9.7%	5.4%	5.4%	-7.6%	28.1%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	12	13	17	8	22	3
Mục tiêu	9	0	9	7	2	9	0
Rủi ro	3	0	3	2	1	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvuq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 26/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	43.35	0.00%	0.60%	3.70%	-16.68%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	45.98	0.26%	1.30%	4.70%	-20.42%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	138.02	-1.12%	7.00%	10.90%	-13.93%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1928.98	0.04%	0.00%	-0.70%	28.67%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.46	-0.27%	-0.90%	7.60%	46.94%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	922.50	0.24%	0.90%	2.50%	-0.30%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	537.25	0.33%	2.90%	0.50%	6.02%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.59	0.00%	-1.30%	-11.40%	14.96%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	167.15	0.92%	0.10%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.76	0.39%	-1.00%	11.10%	-0.85%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	122.95	2.33%	1.60%	10.50%	11.12%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6529.00	0.20%	-0.60%	1.80%	14.75%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	536.35	-0.92%	-2.00%	4.40%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1775.50	0.28%	0.10%	4.40%	1.69%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	118.08	-0.76%	-5.00%	12.10%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	49.50	0.00%	-5.10%	-12.70%	-34.18%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Kết thúc phiên giao dịch, dầu Brent tăng 73 US cent (1.6%) lên 45.86 USD/thùng, dầu Tây Texas Mỹ (WTI) cũng tăng 73 US cent (1.7%) lên 43.35 USD/thùng.
- Diễn biến giá dầu tăng trong 2 phiên vừa qua hoàn toàn do tác động bởi bão. Các nhà sản xuất dầu Mỹ đã chủ động cắt giảm sản lượng và sơ tán cơ sở khai thác trước khi máy cơn bão liên tiếp đổ bộ vào. Do đó, tồn trữ dầu thô của Mỹ tuần qua giảm tuần thứ 5 liên tiếp, theo kết quả thăm dò của Reuters.

Giá vàng

- Cuối phiên giao dịch, vàng giao ngay giảm 0.6% xuống 1,920.91 USD/ounce, trong khi vàng kỳ hạn tháng 12/2020 giảm 0.8% xuống 1,923.10 USD/ounce.
- Tình hình dịch COVID-19 ở Mỹ có dấu hiệu tiến triển tốt lên. Tổng thống Mỹ Donald Trump ngày 23/8 đã khen ngợi việc Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm về việc cấp phép khẩn cấp cho việc lấy huyết tương của những bệnh nhân nhiễm virus đã bình phục để điều trị cho những bệnh nhân đang nhiễm virus.

Giá sắt thép

- Thép cây kỳ hạn tháng 10 trên sàn Thượng Hải giảm 0.5% xuống 3,773 CNY (546.03 USD)/tấn; thép cuộn cán nóng giảm 0.2% xuống 3,938 CNY/tấn.
- Quặng kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên có thời điểm giảm 3.6% xuống 808 CNY/tấn, kết thúc phiên giảm 2.9% xuống 814 CNY/tấn. Quặng sắt 62% nhập khẩu vào Trung Quốc trong phiên 24/8 giảm 1 USD xuống 125.5 USD/tấn.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10 tăng 0.05 US cent (0.4%) lên 12.76 US cent/lb, trong khi đường trắng giao cùng kỳ hạn giảm 5.6 USD (1.5%) xuống 362.30 USD/tấn.
- Kết thúc phiên giao dịch, cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 tăng 2.8 US cent (2.3%) lên 1,2295 USD/lb, cao nhất trong 20 ngày; robusta kỳ hạn tháng 11 tăng 11 USD (1.2%) lên 1,421 USD/tấn.

	26/8	% 26/8	25/8	% 25/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	873.47	-0.07%	874.12	0.63%	2.62%	11.25%
S&P 500			3443.62	0.36%	1.59%	7.09%
HĐTL S&P500	3446.75	0.11%	3443.00	0.45%	2.19%	6.64%
Shang- hai	3329.74	-1.30%	3373.58	-0.36%	-2.30%	3.88%
Euro Stoxx	3337.98	0.25%	3329.71	-0.06%	0.61%	1.06%

Phân tích kỹ thuật

DRC_Xu hướng tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: DRC đang ở trong trạng thái tăng giá ngắn hạn sau khi có sự điều chỉnh nhẹ vào phiên Thứ Sáu tuần trước. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn đang duy trì giá trị ổn định. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, các đường EMA xuất hiện Golden Cross, đồng thời chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua, nên cổ phiếu có thể duy trì đà tăng trong những phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của DRC nằm tại khu vực 16.8. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 18.1, cắt lỗ nếu ngưỡng 16 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

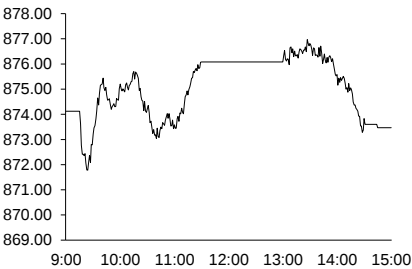
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	-0.79%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.46%
Ngân hàng	-0.42%
Truyền thông	-0.39%
Công nghệ Thông tin	-0.35%
Bán lẻ	-0.34%
Thực phẩm và đồ uống	-0.32%
Y tế	-0.32%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.20%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.08%
Bất động sản	0.20%
Bảo hiểm	0.24%
Du lịch và Giải trí	0.45%
Dịch vụ tài chính	0.81%
Ô tô và phụ tùng	1.00%
Xây dựng và Vật liệu	1.11%
Hóa chất	1.31%
Dầu khí	2.47%
Viễn thông	5.45%

Hình 1

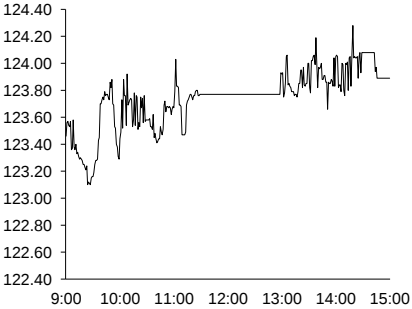
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

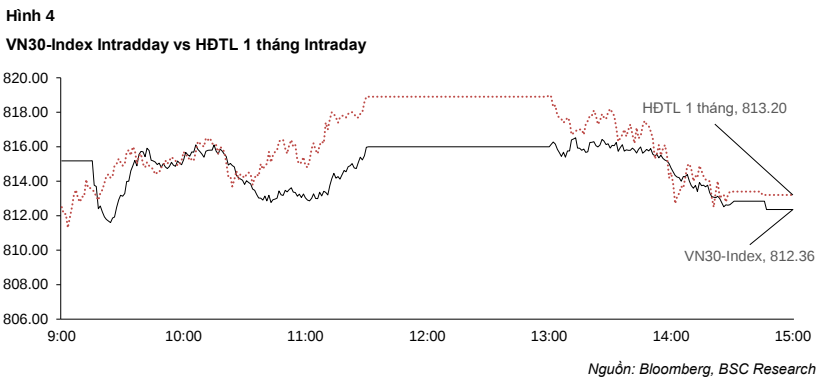
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	87.3	1	-0.34%	Có thể tiếp tục mua
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	47.6	2	1.49%	Có thể tiếp tục mua
8/21/2020	GVR	11.85	13	11.4	11.9	5	0.42%	Có thể tiếp tục mua
8/20/2020	SHB	13.4	15.4	12.6	13.4	6	0.00%	Có thể tiếp tục mua
8/19/2020	TCB	20.2	21.5	19.2	21.1	7	4.46%	Có thể tiếp tục mua
8/17/2020	VTP	98.4	118.27	93.43	105	9	6.71%	Có thể tiếp tục mua
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	73.5	14	3.23%	Có thể tiếp tục mua
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	21.2	15	8.44%	Có thể tiếp tục mua
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.8	16	-1.35%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	8.28	11.2	7.4	9.28	20	12.08%	Có thể tiếp tục mua
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	24.7	22	7.16%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	70.1	85	66	80.4	23	14.69%	Có thể tiếp tục mua
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	34.2	27	10.68%	Cần nhắc không mua thêm (**)
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	14.6	28	23.73%	Cần nhắc không mua thêm (**)
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	13.3	56	3.91%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	31.5	63	2.64%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.2	69	10.35%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	79.5	71	6.14%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	38.9	82	4.57%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/18/2020	MBB	17	18	16.2	TP	7	5.88%
8/14/2020	DVN	12.3	13.9	11.5	TP	4	13.01%
8/13/2020	PLX	46.6	48.3	44.6	TP	11	3.65%
8/7/2020	C32	22.97	24.72	21.78	TP	17	7.62%
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	SL	10	-11.76%
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời		SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	17	2	7.10%	-0.85%	6.26%	28
Cổ phiếu đã chốt	17	22	10.55%	-8.34%	-0.10%	14

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2009	813.20	0.02%	0.84	-11.0%	158,386	9/17/2020	24
VN30F2010	808.50	-0.06%	-3.86	-1.4%	419	10/15/2020	52
VN30F2012	806.20	-0.22%	-6.16	-65.6%	112	12/17/2020	115
VN30F2103	804.50	0.05%	-7.86	-51.4%	34	3/18/2021	206

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 2.82 điểm xuống mức 812.36 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, TCB, FPT, MBB và VPB tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh vùng 810-815 điểm. VN30 có thể sẽ tích lũy quanh 810-825 điểm trong những phiên tiếp theo.
- HĐTL VN30F2010 và VN30F2012 giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số, trong khi VN30F2009 và VN30F2103 tăng điểm. Xét về khối lượng giao dịch, tất cả các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, tất cả các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820-825 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2008	1/14/2021	141	2:1	206,670	46.37%	1,800	1,930	6.63%	1,626	1.19	25,600	22,000	22,900
CDPM2002	12/16/2020	112	1:1	139,610	43.02%	1,700	3,210	6.29%	2,006	1.60	16,952	15,252	16,000
CVNM2002	12/16/2020	112	3:1	446,170	33.37%	3,200	860	2.38%	447	1.92	155,285	139,285	117,100
CMWG2009	10/23/2020	58	8:1	316,970	41.15%	1,600	1,250	1.63%	1,121	1.12	94,800	82,000	87,300
CREE2004	10/23/2020	58	3:1	137,560	28.90%	1,570	2,630	0.00%	2,404	1.09	34,210	29,500	36,450
CFPT2007	10/23/2020	58	5:1	202,270	32.90%	1,690	1,520	0.00%	1,172	1.30	51,950	43,500	48,400
CVNM2004	11/30/2020	96	1:1	36,200	33.37%	17,500	11,420	-2.06%	8,252	1.38	133,973	116,473	117,100
CHPG2005	10/1/2020	36	1:1	33,040	38.61%	2,100	10,870	-2.07%	5,309	2.05	21,100	19,000	24,200
CVHM2002	11/30/2020	96	1:1	68,780	38.69%	11,500	8,980	-2.50%	8,027	1.12	88,500	77,000	79,500
CHDB2006	10/8/2020	43	2:1	228,310	40.21%	2,180	2,230	-2.62%	1,991	1.12	29,060	24,700	28,250
CVHM2003	10/29/2020	64	10:1	207,890	38.69%	1,000	1,280	-3.76%	1,143	1.12	80,000	70,000	79,500
CHPG2011	10/20/2020	55	3:1	446,410	38.61%	2,350	2,680	-4.29%	548	4.89	29,900	25,200	24,200
CVPB2007	10/29/2020	64	2:1	400,530	46.37%	1,700	1,090	-4.39%	1,029	1.06	25,900	22,500	22,900
CHPG2009	10/29/2020	64	2:1	216,830	38.61%	1,600	3,770	-4.56%	1,313	2.87	25,700	22,500	24,200
CSTB2002	12/16/2020	112	1:1	339,400	43.33%	1,700	1,160	-4.92%	856	1.36	13,588	11,888	11,200
CHPG2015	3/1/2021	187	3:1	37,220	38.61%	6,700	6,220	-5.47%	1,998	3.11	33,200	26,500	24,200
CHPG2013	12/1/2020	97	1:1	31,860	38.61%	6,900	6,760	-6.76%	2,160	3.13	30,900	24,000	24,200
CHPG2010	4/5/2021	222	4:1	287,020	38.61%	1,800	1,140	-7.32%	193	5.91	40,300	33,100	24,200
CHPG2002	12/16/2020	112	2:1	205,960	38.61%	1,700	1,680	-8.70%	268	6.27	33,399	29,999	24,200
CHPG2008	11/30/2020	96	1:1	75,660	38.61%	4,100	3,700	-9.09%	763	4.85	32,100	28,000	24,200
Tổng				3,988,700	38.77%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 26/8/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.
- CMWG2010 và CVHM2001 tăng mạnh lần lượt là 13.28% và 12.39%. Trái lại, CHPG2008 và CHPG2002 giảm mạnh lần lượt là -9.09% và -8.70%. Giá trị giao dịch giảm -23.79%. CHPG2011 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.78% thị trường.
- CVRE2005, CVPB2006, CVNM2003, CSTB2004, và CVPB2007 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2005, CVHM2002, và CREE2004 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	87.3	-0.3%	1.2	1,719	3.4	8,348	10.5	2.8	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	59.0	-1.2%	1.3	577	1.5	4,629	12.7	2.8	49.0%	23.6%	
BVH	Bảo hiểm	47.6	0.4%	1.4	1,536	1.1	1,640	29.0	1.8	28.2%	6.8%	
PVI	Bảo hiểm	33.3	0.0%	0.4	324	0.1	2,651	12.6	1.1	54.4%	8.8%	
VIC	Bất động sản	91.0	0.0%	0.8	13,383	2.2	2,255	40.4	3.8	13.8%	9.3%	
VRE	Bất động sản	27.2	0.9%	1.1	2,687	2.6	1,057	25.7	2.2	30.6%	8.9%	
VHM	Bất động sản	79.5	-0.1%	1.3	11,370	7.8	6,784	11.7	3.8	20.7%	37.0%	
DXG	Bất động sản	10.2	0.0%	1.3	229	3.2	658	15.4	0.8	36.2%	2.9%	
SSI	Chứng khoán	15.1	0.3%	1.3	393	3.6	1,718	8.8	0.9	48.8%	10.7%	
VCI	Chứng khoán	24.4	4.5%	1.0	174	1.8	4,110	5.9	1.1	29.1%	18.7%	
HCM	Chứng khoán	18.6	1.4%	1.7	247	2.7	1,608	11.6	1.3	50.9%	11.5%	
FPT	Công nghệ	48.4	-0.9%	0.8	1,650	2.8	4,280	11.3	2.5	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	48.9	0.2%	0.4	582	0.0	4,812	10.2	2.6	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	73.5	-0.4%	1.4	6,116	1.4	5,169	14.2	2.7	3.3%	20.5%	
PLX	Dầu khí	51.4	2.0%	1.5	2,695	2.9	441	116.6	3.2	14.7%	3.2%	
PVS	Dầu khí	12.9	4.0%	1.5	268	6.3	1,301	9.9	0.5	10.7%	5.0%	
BSR	Dầu khí	6.8	3.0%	0.8	917	0.7	898	7.6	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	105.4	-0.6%	0.5	599	0.1	5,044	20.9	4.3	54.7%	21.2%	
DPM	Hóa chất	16.0	2.6%	0.4	272	3.7	1,700	9.4	0.8	11.3%	8.9%	
DCM	Hóa chất	9.1	0.3%	0.5	210	1.1	709	12.9	0.8	1.8%	5.8%	
VCB	Ngân hàng	83.5	-0.5%	1.1	13,465	5.8	4,915	17.0	3.5	23.8%	22.0%	
BID	Ngân hàng	39.4	-0.4%	1.3	6,881	1.4	2,132	18.5	2.1	17.7%	12.3%	
CTG	Ngân hàng	24.7	0.0%	1.2	3,999	7.3	2,995	8.2	1.1	30.0%	14.6%	
VPB	Ngân hàng	22.9	-0.4%	1.2	2,427	4.4	4,126	5.6	1.2	23.4%	23.5%	
MBB	Ngân hàng	17.9	-0.8%	1.0	1,877	4.1	3,497	5.1	1.0	23.0%	20.7%	
ACB	Ngân hàng	21.2	0.5%	1.0	1,992	5.5	2,884	7.4	1.5	30.0%	22.6%	
BMP	Nhựa	57.0	-0.2%	0.9	203	0.2	5,760	9.9	1.8	83.1%	18.9%	
NTP	Nhựa	30.8	1.0%	0.4	158	0.1	3,348	9.2	1.4	18.8%	16.0%	
MSR	Tài nguyên	15.0	0.7%	0.3	645	0.0	356	42.1	1.2	1.9%	2.9%	
HPG	Thép	24.2	-1.4%	1.2	3,486	17.3	2,632	9.2	1.5	42.8%	18.1%	
HSG	Thép	11.6	-0.9%	1.6	224	3.7	1,767	6.6	0.8	10.1%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	117.1	-0.2%	0.8	8,866	9.8	5,538	21.1	6.8	58.7%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	184.2	-1.2%	0.8	5,136	0.7	6,328	29.1	6.4	63.2%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	53.5	-0.2%	1.0	2,732	2.1	3,255	16.4	2.7	38.6%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	14.7	-0.3%	0.8	375	1.9	561	26.2	1.2	5.6%	5.1%	
ACV	Vận tải	55.2	0.0%	0.8	5,225	0.4	3,450	16.0	3.3	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	100.6	1.1%	1.1	2,291	2.0	3,465	29.0	3.5	17.8%	12.4%	
HVN	Vận tải	24.7	-0.4%	1.7	1,523	0.5	(3,853)	N/A	N/A	9.2%	-38.4%	
GMD	Vận tải	23.5	2.0%	0.9	303	0.6	1,377	17.0	1.2	49.0%	6.7%	
PVT	Vận tải	11.2	2.8%	1.2	137	1.7	2,007	5.6	0.7	22.0%	13.8%	
VCS	Vật liệu xây dựng	65.0	-0.3%	1.0	439	0.9	8,104	8.0	3.1	3.0%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	21.8	0.0%	0.8	425	0.6	1,363	16.0	1.5	8.0%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	14.9	-0.7%	1.0	246	0.4	1,937	7.7	1.0	6.1%	13.5%	
CTD	Xây dựng	80.4	-1.6%	1.1	267	2.5	8,467	9.5	0.7	46.8%	7.9%	
CII	Xây dựng	18.3	0.8%	0.3	190	0.9	1,615	11.3	0.8	35.9%	8.0%	
REE	Điện	36.5	-1.1%	-1.4	491	0.7	4,780	7.6	1.1	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	19.2	-0.3%	-0.4	133	0.2	2,178	8.8	0.8	16.6%	9.9%	
POW	Điện	10.1	0.5%	0.6	1,023	1.7	925	10.9	0.8	11.3%	8.0%	
NT2	Điện	22.8	0.9%	0.6	285	0.4	2,685	8.5	1.4	18.6%	18.0%	
KBC	Khu công nghiệp	13.9	0.7%	0.9	284	1.3	1,242	11.2	0.7	20.7%	6.2%	
BCM	Khu công nghiệp	30.1	0%	N/A	N/A	0.1	#N/A	N/A	N/A	2.1	2.1%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PLX	51.40	1.98	0.37	1.30MLN
GVR	11.90	1.28	0.17	1.92MLN
VJC	100.60	1.11	0.17	460680.00
VRE	27.20	0.93	0.17	2.20MLN
PVD	11.40	6.54	0.08	17.34MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.42	1.59MLN	1.11MLN
SAB	0.00	-0.42	88320	607060
HPG	0.00	-0.28	16.33MLN	373600
TCB	0.00	-0.20	2.12MLN	192700
BID	0.00	-0.17	831700	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LHG	26.75	7.00	0.03	924560.00
HAP	8.28	6.98	0.01	3.28MLN
PXS	4.91	6.97	0.01	257070
NHH	58.40	6.96	0.04	179870
TAC	51.70	6.93	0.03	268140

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HOT	39.20	-7.00	-0.01	60
DTL	10.05	-6.94	-0.01	20
DAT	48.30	-6.94	-0.05	30.00
STG	15.65	-6.85	-0.03	104200
MDG	11.00	-6.78	0.00	480

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

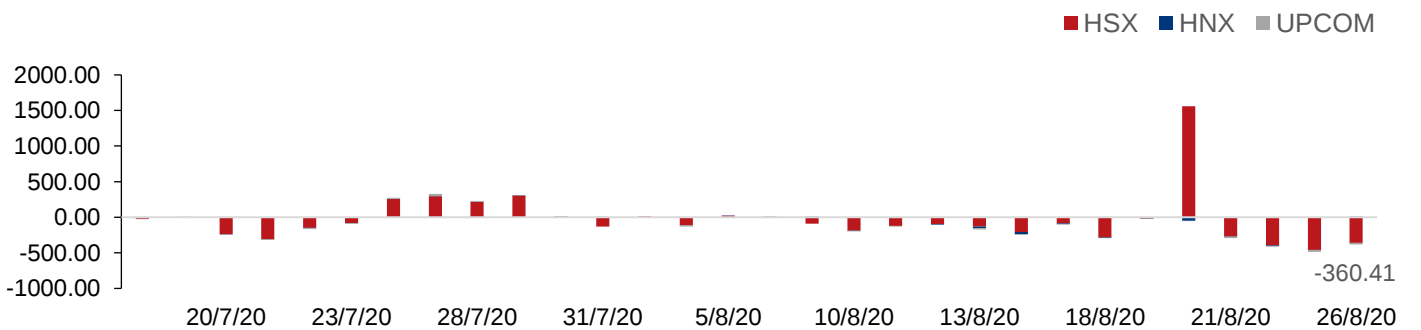
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.20	0.47	0.21	6.02MLN
VCG	35.00	8.02	0.18	850700.00
PVS	12.90	4.03	0.12	11.33MLN
IDC	21.50	9.14	0.11	173500.00
SHS	11.50	1.77	0.04	3.44MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	13.40	-1.47	-0.29	2.97MLN
SHN	8.90	-4.30	-0.05	13400
NVB	8.20	-1.20	-0.04	3.80MLN
DST	5.60	-9.68	-0.02	5.68MLN
CEO	7.40	-1.33	-0.02	1.54MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.80	14.3	0.01	1.10MLN
SPI	1.10	10.0	0.00	7100
SCI	56.80	9.9	0.03	82700
CTP	3.40	9.7	0.00	307600
HEV	13.70	9.6	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SD2	6.30	-10.00	-0.01	200
CTT	12.70	-9.93	0.00	200
VTL	13.90	-9.74	0.00	100
DST	5.60	-9.68	-0.02	5.68MLN
PPP	14.00	-9.68	0.00	9900

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	87.3	8,348	10.5	2.8	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.3	885	9.4	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	38.9	5,465	7.1	1.3	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.6	1,948	12.6	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	24.2	2,632	9.2	1.5	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.5	3,314	8.3	1.3	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	22.9	4,126	5.6	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	46.7	9,642	4.8	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	53.5	3,255	16.4	2.7	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	39.5	4,666	8.5	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	11.6	1,767	6.6	0.8	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.8	5,479	8.0	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	28.5	1,902	15.0	2.4	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	24.2	2,632	9.2	1.5	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	21.1	3,103	6.8	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	59.0	4,629	12.7	2.8	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	105.0	4,105	25.6	9.0	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	10.2	658	15.4	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	20.9	1,721	12.1	1.2	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	23.0	7,132	3.2	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	23.1	5,227	4.4	1.0	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	49.2	4,739	10.4	2.1	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	83.5	4,915	17.0	3.5	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	21.2	2,884	7.4	1.5	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	38.9	5,465	7.1	1.3	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.5	5,872	10.0	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	48.4	4,280	11.3	2.5	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.5	1,377	17.0	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.9	1,242	11.2	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	184.2	6,328	29.1	6.4	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.6	1,948	12.6	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	117.1	5,538	21.1	6.8	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.3	1,407	8.7	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	87.3	8,348	10.5	2.8	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	17.2	2,088	8.2	1.2	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	105.4	5,044	20.9	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	11.2	2,007	5.6	0.7	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	59.0	4,629	12.7	2.8	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	34.7	4,313	8.0	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	213.8	14,782	14.5	5.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
7	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
8	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
10	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
11	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
12	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
15	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
16	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
17	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
21	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
22	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
23	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
25	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
26	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
28	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
29	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
30	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
32	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
36	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
38	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
39	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
40	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VNM 2020Q3	7/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 125100 ; Giá tại Publish 114800 Định giá: BSC khuyến nghị Theo dõi VNM với giá mục tiêu là 125,100 đồng , upside 9% so với giá đóng cửa 06/08/2020 là 114,800 vnd/cp. Định giá dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 21x.
Express PLC 2020Q3	6/8/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 21500 ; Giá tại Publish 17200 Cập nhật KQKD: Trong Q2/2020, PLC đã ghi nhận DTT và LNST lần lượt ở mức 1,188 tỷ VND (-22% yoy) và 57 tỷ VND (+46% yoy). Về doanh thu, mảng dầu mỡ nhờn +3.8% yoy, mảng nhựa đường +15.5% yoy. Trong thời gian tới, PLC có nhiều dự án được kỳ vọng sẽ đóng góp thêm vào mảng nhựa đường như (1) Cam Lộ La Sơn, (2) Trung Lương Mỹ Thuận, (3) Bến Lức Long Thành và 2 dự án sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất. Dự báo KQKD: Dự kiến: doanh thu đạt 95% kế hoạch và lợi nhuận đạt 100% kế hoạch, tương ứng DT đạt 1,663 tỷ (+18.5% YoY) và LNTT đạt 260 tỷ (+28% YoY).
Express IMP 2020Q3	28/7/20	Cập nhật KQKD Trong Q2, T4 và T5 giảm nhẹ, T6 phục hồi trở lại (+ 198% YoY). Tuy nhiên, diễn biến dịch tại Đà Nẵng khiến tình hình kém khả quan hơn (do người dân sợ đến bệnh viện).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepbh@bsc.com.vn